TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH NHAI** TỈNH SƠN LA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08/2020/QĐST- HNGĐ	*Q, ngày 25 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 06/2020/HNGĐ - ST ngày 19 tháng 10 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: **Chị Lò Thị N** – Sinh năm 1994

Nơi ĐKHKTT: Bản H, xã N, huyện Q, tỉnh Sơn La.

- Bị đơn: **Anh Lò Văn T** – Sinh năm 1993

Nơi ĐKHKTT: Bản H, xã N, huyện Q, tỉnh Sơn La

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ông Lò Văn L**

Nơi ĐKHKTT: Bản H, xã N, huyện Q, tỉnh Sơn La

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Lò Thị N** và anh **Lò Văn T**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- ***Về con chung***: Chị Lò Thị N và anh Lò Văn T thống nhất giao con chung là cháu Lò Thị Hải Y, sinh ngày 20/3/2015 cho mẹ là chị Lò Thị N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh Lò Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N 500.000đ/ tháng cho đến khi cháu Yến đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 1/2021.

Anh Lò Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- ***Về tài sản chung*** : Không có

- ***Về nợ chung***: Không có.

- ***Về nợ riêng:*** Chị Lò Thị N, anh Lò Văn T, ông Lò Văn L xác định trong thời gian anh Lò Văn T đi học, ông L chu cấp cho Lò Văn T đi học mà không xác định là tiền cho hay cho vay, tại phiên hòa giải ông Lò Văn L yêu cầu anh Lò Văn T trả lại số tiền 85.000.000đ (*Tám mươi lăm triệu đồng*), nhưng anh Lò Văn T không nhất trí trả. Ông Lò Văn L, chị Lò Thị N và anh Lò Văn T thỏa thuận thống nhất không yêu cầu giải quyết số tiền trên trong vụ án này. Ông Lò Văn L được quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu và cung cấp được các giấy tờ chứng minh cho việc khởi kiện.

- ***Về án phí***: Chị Lò Thị N tự nguyện chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2016/0000530 ngày 19/10/2020 nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Sơn La. Chị N được trả lại 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Anh Lò Văn T phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng định kỳ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự (03);
- TAND Tỉnh (01);
- Viện kiểm sát nhân dân (02);
- Chi cục THA huyện (01);
- UBND xã Nặm Ét(01);
- Lưu hồ sơ vụ án(01).

THẨM PHÁN

Tráng A Tếnh